TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 34/2018/HSST
Ngày 13 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hùng.

Ông Bùi Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

***- Đại diện VKS nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên toà*:** Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2018/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Văn Q** (tên gọi khác Vũ Hồng Q); sinh ngày 23/8/1997; ĐKHK và nơi cư trú: Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1964 (đã chết); con bà Phạm Thị L, sinh năm 1973; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án: Ngày 06/8/2013 bị TAND huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội "Cướp tài sản"

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/4/2018 bị Cơ quan CSĐT công an tỉnh Nam Định khởi tố về tội "Không tố giác tội phạm" quy định tại điều 390 BLHS.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/02/2018 tại nhà tạm giữ Công an huyện Nam Trực cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn D** (tên gọi khác không); sinh ngày 24/3/1997; ĐKHK và nơi cư trú: Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971; con bà Phạm Thị S, sinh năm 1972; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; vợ chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999, chưa có con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/3/2018 tại nhà tạm giữ Công an huyện Nam Trực cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1. Chị Bùi Thị N, sinh năn 1988

Cư trú tại: Số nhà 214 T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1966

Cư trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị H, sinh năm 1976

Cư trú tại: Thôn 6, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 12/01/2018, Vũ Văn Q điều khiển xe mô tô BKS: 35B2-28098 chở Nguyễn Văn D đi từ hướng TP. N về N theo Tỉnh lộ 490C. Khi đến gần khu vực nghĩa trang thị trấn N thì Q phát hiện thấy chị Bùi Thị N đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Lead BKS: 18K1-20688 đi phía trước cùng chiều để 01 túi xách bằng vải ở khu vực để chân người lái xe. Q nói với D giật chiếc túi xách trên của chị N, D đồng ý. Sau đó Q điều khiển xe áp sát vào phía bên trái xe của chị N, D dùng tay phải giật lấy chiếc túi xách của chị N. Khi D giật được tài sản Q tăng ga xe bỏ chạy về hướng UBND xã Đ rồi đi ra khu vực cánh đồng xã Đ giáp với xã N, huyện N đến đường R dừng xe lại, các bị cáo lục trong túi lấy 4.200.000 đồng chia nhau mỗi người 2.100.000 đồng rồi vứt túi và tài sản khác trong túi lại bên vệ đường.

Sau khi lấy được tài sản của chị N, Q tiếp tục điều khiển xe máy theo đường R, xã Đ thì phát hiện thấy bà Nguyễn Thị T đi xe đạp phía trước cùng chiều có để 01 túi xách ở giỏ phía trước xe. Q điều khiển xe máy áp sát vào xe đạp của bà T, D ngồi sau dùng tay phải giật lấy chiếc túi xách . Khi giật được tài sản Q tăng ga bỏ chạy được khoảng 300 mét thì dừng xe lại, D mở túi lấy được 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel đen trắng , sau đó D vứt ch iếc túi xách lại bên vệ đường. Điện thoại lấy được các bị cáo đem đến cửa hàng điện thoại di động của anh Đinh Văn T ở Đội 3 xã N, huyện N bán được 100.000 đồng. Số tiền chiếm được các bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Cồ Huy T, sinh năm 1975 ở xóm 9, V, xã Đ đi làm qua đường R thấy và nhặt được 01 túi xách bằng vải bên trong có số tiền 1.480.000 đồng, 430 thẻ bảo hiểm y tế và 02 chiếc nhẫn vàng tây; 01 cặp xách bên trong có nhiều vở học sinh mang tên Trần Thị Mai A, anh T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực toàn bộ tài sản trên.

Tại bản kết luận định giá số 17/KLĐG ngày 17/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nam Trực kết luận: 01 đôi nhẫn vàng tây tại thời điểm định giá có trị giá 1.260.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) và bản kết luận định giá số 19/KLĐG ngày 23/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nam Trực kết luận: 01 điện thoại di động đen trắng Viettel tại thời điểm xảy ra vụ việc có giá trị là 157.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Bùi Thị N: 01 túi xách bằng vải, 430 thẻ bảo hiểm y tế, 02 chiếc nhẫn bằng vàng tây và số tiền 1.480.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị S là mẹ đẻ của bị cáo D đã tự nguyện bồi thường cho chị Bùi Thị N 2.100.000 đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Thị T 200.000 đồng. Chị N và bà T nhận đủ số tiền trên không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra công an huyện Nam Trực đã thu giữ của Vũ Văn Q 01 áo khoác màu trắng sữa, 01 quần bò màu đen. Đây là bộ quần áo Vũ Văn Q mặc để đi cướp giật tài sản ngày 12/01/2018.

Ngoài ra trong qúa trình điều tra các bị cáo còn khai nhận: Đầu tháng 01/2018 Q chở D bằng xe m ô tô BKS 35B2 – 28098 cùng nhau thực hiện một số hành vi cướp giật tài sản khác trên địa bàn tỉnh Nam Định. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực chưa tìm được bị hại, tách ra xử lý sau, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô Q và D điều khiển khi thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra xác định là tài sản của bà Trần Thị H đưa cho D mượn để đi lại, bà không biết việc D dùng xe đi cướp giật tài sản. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội D đã đem bán chiếc xe cho người khác, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực không thu giữ được. Trong quá trình Điều tra, truy tố bà H yêu cầu D bồi thường chiếc xe máy trên. Nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bà Phạm Thị S là mẹ đẻ của bị cáo D đã tự nguyện bồi thường cho bà Trần Thị H số tiền là 2.000.000 đồng. Bà H đã nhận đủ số tiền trên và không có đề nghị gì khác.

Cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Văn D về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố và rút một phần nội dung bản Cáo trạng về việc: Bà Trần Thi H yêu cầu bị cáo D phải trả lại cho bà chiếc xe mô tô BKS: 35B2 – 28098 do D đã bán, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực không thu giữ được. Nhưng quá trình tố tụng tại Tòa án gia đình bị cáo đã khắc phục bồi thường xong giá trị tài sản cho bà. Bà H đã nhận đủ số tiền 2.000.000 đồng và không có đề nghị gì khác, nên không đặt ra xem xét. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Văn D phạm tội "Cướp giật tài sản";

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 04 (Bốn) năm, 06 (Sáu) tháng đến 05 (Năm) năm tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù;

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu trắng sữa, 01 quần bò màu đen đều đã qua sử dụng;

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo D đã tự nguyện bồi thường cho chị N số tiền 2.100.000 đồng và bà T 200.000 đồng. Chị N và bà T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét;

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Q nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo D nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ân hận, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo phù hợp với, bản kết luận định giá số 17/KLĐG ngày 17/5/2018 và số 19/KLĐG ngày 23/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nam Trực, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên Tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 12/01/2018 Vũ Văn Q điều khiển xe mô tô BKS: 35B2-28098 chở Nguyễn Văn D đến gần khu vực nghĩa trang TT N, Q điều khiển xe áp sát vào xe mô tô của chị Bùi Thị N đang lưu thông cùng chiều trên đường, để D giật chiếc túi xách của chị N, bên trong có 5.680.000 đồng, 430 thẻ bảo hiểm y tế và 02 chiếc nhẫn vàng tây có tổng giá trị tài sản là 6.940.000 đồng. Sau đó Q tiếp tục điều khiển xe mô tô chở D đi đến khu vực đường R, xã Đ giật chiếc túi xách của bà Nguyễn Thị T để trong giỏ xe đạp, lấy 01 điện thoại di động Viettel trị giá 157.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Vũ Văn Q và Nguyễn Văn D cướp giật được của chị N và bà T là 7.097.000 đồng (Bảy triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo điều khiển xe mô tô giật tài sản của người đang điều khiển xe mô tô và xe đạp trên đường là thủ đoạn nguy hiểm. Do vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ

[3]. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật Hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Nên các bị cáo phải chịu trách pháp luật về hành vi của mình

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo D đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại nên bị cáo D còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Q và D đã thực hiện 02 hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Q có 01 tiền án chưa được xóa, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét vai trò trong vụ án: Các bị cáo rủ nhau đi chơi không có sự bàn bạc từ trước; Q là người điều khiển phương tiện nảy sinh ý định cướp giật tài sản, rủ D cùng tham gia, D đồng ý; D là người trực tiếp thực hiện hành vi giật tài sản của

người bị hại, sau đó chia nhau mỗi người 1/2. Do vậy, Q giữ vai trò chính trong vụ án.

[6]. Căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung. Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo Q cao hơn bị cáo D là phù hợp

[7]. Về vật chứng của vụ án: 01 áo khoác màu trắng sữa, 01 quần bò màu đen đều đã qua sử dụng. Đây là bộ quần áo Vũ Văn Q mặc đi thực hiện hành vi phạm tội, cần tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo D đã tự nguyện bồi thường cho chị Bùi Thị N số tiền 2.100.000 đồng và bà Nguyễn Thị T 200.000 đồng. Chị N và bà T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa bị cáo D không yêu cầu bị cáo Q có nghĩa vụ hoàn trả số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị N và bà T, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[9]. Về chiếc xe mô tô BKS: 35B2-28098 là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, được xác định là tài sản của bà Trần Thị H là mẹ vợ cho D mượn để đi lại, bà H không biết D sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, sau đó D đem bán, không thu hồi được. Quá trình tố tụng tại Tòa án bà Phạm Thị S là mẹ đẻ của bị cáo D đã thỏa thuận, tự nguyện bồi thường xong giá trị chiếc xe cho bà Trần Thị H. Bà H đã nhận đủ số tiền 2.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác đối với D. Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực rút một phần nội dung Cáo trạng về việc trước đây bà Trần Thị H có yêu cầu bị cáo D phải bồi thường chiếc xe máy BKS: 35B2-28098 là có cơ sở được chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Văn D phạm tội "Cướp giật tài sản "

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 04 (Bốn) năm, 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28 tháng 02 năm 2018.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

3.Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu trắng sữa, 01 quần bò màu đen đều đã qua sử dụng, theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 04/6/2018 giữa cơ quan Công an huyện Nam Trực và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực;

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Vũ Văn Q và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị N, bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

Nơi gửi:
- Toà án nhân dân tỉnh (01 bản);
- VKS nhân dân huyện Nam Trực (01 bản);
- Nhà tạm giữ, huyện Nam Trực (01 bản);
- Công an huyện Nam Trực (01 bản);
- Chi cục THADS huyện Nam Trực (01 bản);
- Bị cáo (02 bản);
- Người bị hại, và người liên quan (3 bản);
- UBND xã N, huyện N (01 bản);
- Lưu hồ sơ + VP (03 bản).